

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25
Phụ lục: Bảng Tổng hợp giao dịch và số dư với các bên liên quan	26 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/04/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Thái Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên
Ông Đặng Hồng Quang	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Thăng	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Phan Thanh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Diệm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06/09/2014)
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10/01/2014)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



[Handwritten signature in blue ink]

Phan Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Số: 73 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014

của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009 -2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Vũ Thị Hồng Quỳnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1969-2013-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		90.800.784.194	88.836.897.303
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	57.662.618.827	56.425.796.738
1. Tiền	111		762.618.827	1.925.796.738
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.900.000.000	54.500.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.295.234.907	26.856.763.761
1. Phải thu khách hàng	131		7.610.923.252	9.212.922.119
2. Trả trước cho người bán	132		11.917.333.935	7.308.951.985
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	7.766.977.720	10.334.889.657
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	5.085.177.000	5.085.177.000
1. Hàng tồn kho	141		5.085.177.000	5.085.177.000
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		757.753.460	469.159.804
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		409.090	4.349.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		291.466.374	387.083.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	274.428.291	8.810.865
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	191.449.705	68.916.626
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		141.558.239.571	138.687.379.223
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		77.159.458.725	77.566.356.419
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	3.658.775.424	4.165.415.964
- Nguyên giá	222		6.814.110.428	6.814.110.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.155.335.004)	(2.648.694.464)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	9.151.250.000	9.151.250.000
- Nguyên giá	228		9.151.250.000	9.151.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	64.349.433.301	64.249.690.455
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	61.323.715.647	61.034.442.400
1. Đầu tư vào công ty con	251		56.943.440.000	54.532.440.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.745.010.000	4.745.010.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4.426.677.840	5.073.677.840
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.791.412.193)	(3.316.685.440)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.075.065.199	86.580.404
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.075.065.199	86.580.404
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		232.359.023.765	227.524.276.526

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		11.652.809.424	6.772.559.791
I- Nợ ngắn hạn	310		8.222.809.424	6.768.923.427
2. Phải trả người bán	312		2.801.081	2.801.081
3. Người mua trả tiền trước	313		4.091.909.985	4.491.909.985
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	510.560	553.808.739
5. Phải trả người lao động	315		275.429.023	503.915.696
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	3.553.040.614	1.185.695.840
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		299.118.161	30.792.086
II- Nợ dài hạn	330		3.430.000.000	3.636.364
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.13	3.430.000.000	3.636.364
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		220.706.214.341	220.751.716.735
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	220.706.214.341	220.751.716.735
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		12.885.311.819	12.885.311.819
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		373.845.938	373.845.938
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.002.679.390	1.002.679.390
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.444.377.194	6.489.879.588
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		232.359.023.765	227.524.276.526

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

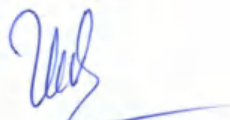
Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại - USD		101,34	101,10

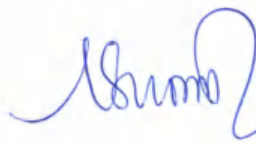
Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Chức vụ Giám đốc


 Vũ Phương Nhung


 Nguyễn Thị Thu Hương




 Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		22.937.175.868	17.359.846.990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	36.105.726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	22.937.175.868	17.323.741.264
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	21.035.699.338	16.114.325.716
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		1.901.476.530	1.209.415.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	5.224.102.099	5.128.791.485
7. Chi phí tài chính	22	5.18	1.492.611.659	(233.725.200)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.000.000	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.193.813.665	6.026.698.114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		439.153.305	545.234.119
11. Thu nhập khác	31	5.19	21.265.401	2.455.399.852
12. Chi phí khác	32		6.000	174.797.982
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		21.259.401	2.280.601.870
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		460.412.706	2.825.835.989
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	118.839.025	805.271.837
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		341.573.681	2.020.564.152
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	17	101


Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc


 Vũ Phương Nhung


 Nguyễn Thị Thu Hương




 Phan Thanh Hùng

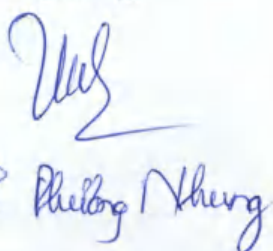
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

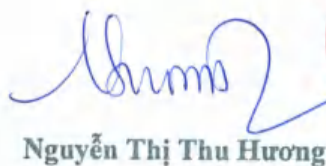
CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014	Năm 2013
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	460.412.706	2.825.835.989
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	506.640.540	596.912.344
- Các khoản dự phòng	03	1.474.726.753	(233.725.200)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.993.755.767)	(4.710.805.907)
- Chi phí lãi vay	06	2.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.549.975.768)	(1.521.782.774)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(491.040.912)	(5.398.543.020)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	5.440.160.588	2.707.867.640
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.984.544.796)	61.884.957
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.000.000)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(947.076.055)	(1.291.420.841)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(118.750.000)	(283.440.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(653.226.943)	(5.725.434.947)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(99.742.846)	(1.438.385.454)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	336.363.636
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.416.500.000)	(579.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	652.500.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.753.791.878	4.374.442.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.890.049.032	2.693.420.453
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.200.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.200.000.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(26.585.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC	40	-	(26.585.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	1.236.822.089	(3.058.600.094)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	56.425.796.738	59.484.396.832
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	57.662.618.827	56.425.796.738

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015


 Vũ Phương Nhung


 Nguyễn Thị Thu Hương



Đổng Giám đốc


 Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 25/04/2014.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 200.000.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	10.200.000	102.000.000.000	51,00%
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	1.000.000	10.000.000.000	5,00%
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	500.000	5.000.000.000	2,50%
Quỹ VOF	1.000.000	10.000.000.000	5,00%
Công ty Xăng dầu Khu vực II	50.000	500.000.000	0,25%
Công ty TNHH Đông Dương	1.000.000	10.000.000.000	5,00%
Công ty CP Chứng khoán SHS	3.800.000	38.000.000.000	19,00%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	200.000	2.000.000.000	1,00%
Các cổ đông khác	2.250.000	22.500.000.000	11,25%
Tổng	20.000.000	200.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2014: 35 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014 là: Kinh doanh máy móc thiết bị và cho thuê bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tại thời điểm ngày 31/12/2014, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng hoá bất động sản do Công ty chưa thu thập được giá thị trường tương đương với bất động sản này.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2014 (số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, theo quy định Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư dài hạn khác là khoản góp vốn vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Ghi nhận doanh thu

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam và các công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	52.303.176	163.066.000
Tiền gửi ngân hàng	710.315.651	1.762.730.738
Các khoản tương đương tiền (*)	56.900.000.000	54.500.000.000
Tổng	57.662.618.827	56.425.796.738

(*) Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyễn Hải Kiên (1)	4.218.534.600	4.218.534.600
Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	2.399.245.000
Công CP Đầu tư PT Nhà và XD Tây Hồ (2)	3.000.000.000	3.400.000.000
Công ty Bất động sản ATIS	300.000.000	300.000.000
Phải thu khác	248.443.120	17.110.057
Tổng	7.766.977.720	10.334.889.657

(1): là tiền Công ty tạm ứng cho cá nhân trong Công ty để thực hiện hợp đồng mua bất động sản theo sự ủy quyền của Công ty.

(2): Thỏa thuận hợp tác kinh doanh với Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và XD Tây Hồ (Bên A) số N01T5-26/HTKD ngày 01/08/2014. Mục đích của thỏa thuận là góp vốn với Bên A thực hiện thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 09/2010/ICON4-TH-34 mà bên A ký với chủ đầu tư cấp 2 là Công ty CP ĐT& XD số 4 để xây dựng Dự án xây nhà ở cao tầng trên ô đất có ký hiệu N01-T5 thuộc dự án Khu đoàn Ngoại giao.

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng hóa bất động sản (*)	5.085.177.000	5.085.177.000
Tổng	5.085.177.000	5.085.177.000

(*): là giá trị mua và một số chi phí khác liên quan đến việc mua căn nhà Số 31, ngõ 105, tổ 20, phường Thanh Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với mục đích để bán.

5.4 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	274.428.291	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	8.810.865
Tổng	274.428.291	8.810.865

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	191.449.705	68.916.626
Tổng	191.449.705	68.916.626

5.6. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2014	3.526.022.727	3.219.663.092	68.424.609	6.814.110.428
Tăng trong năm	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>3.526.022.727</u>	<u>3.219.663.092</u>	<u>68.424.609</u>	<u>6.814.110.428</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2014	505.396.587	2.074.873.268	68.424.609	2.648.694.464
Tăng trong năm	141.040.908	365.599.632	-	506.640.540
Khấu hao trong năm	141.040.908	365.599.632	-	506.640.540
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>646.437.495</u>	<u>2.440.472.900</u>	<u>68.424.609</u>	<u>3.155.335.004</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	<u>3.020.626.140</u>	<u>1.144.789.824</u>	-	<u>4.165.415.964</u>
Tại 31/12/2014	<u>2.879.585.232</u>	<u>779.190.192</u>	-	<u>3.658.775.424</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 856.022.791 đồng, tại 31/12/2013 là 856.022.791 đồng.

5.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31/12/2014 với nguyên giá là 9.151.250.000 đồng là quyền sử dụng đất lâu dài tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, theo quy định Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.

5.8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	64.249.690.455	62.811.305.001
Tăng	99.742.846	1.438.385.454
Giảm khác	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>64.349.433.301</u>	<u>64.249.690.455</u>
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<i>Chi tiết theo công trình</i>		
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	1.279.789.809	1.180.046.963
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	24.472.176.749	24.472.176.749
Dự án Đà Nẵng	1.057.049.176	1.057.049.176
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	37.080.980.522	37.080.980.522
Dự án Quán Bánh Hà Tĩnh	51.317.772	51.317.772
Dự án Bãi Trám Đông Anh	66.119.273	66.119.273
Dự án Nha Trang	342.000.000	342.000.000
	<u>64.349.433.301</u>	<u>64.249.690.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào công ty con		56.943.440.000		54.532.440.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex	-	5.000.000.000		5.000.000.000
Công ty CPĐT và Du lịch Petrolimex Huế	4.444.444	44.444.440.000	4.444.444	44.444.440.000
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	162.000	1.620.000.000	162.000	1.620.000.000
Công ty CP Thương mại và DV Petrolimex Huế	587.900	5.879.000.000	346.800	3.468.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết		4.745.010.000		4.745.010.000
Công ty CP BĐS Nghệ An	474.501	4.745.010.000	474.501	4.745.010.000
Đầu tư dài hạn khác		4.426.677.840		5.073.677.840
Đầu tư cổ phiếu		4.126.677.840		4.773.677.840
Cổ phiếu ACB	54.144	4.034.277.840	54.144	4.034.277.840
Cổ phiếu HPG		-	13.860	640.500.000
Cổ phiếu MPC		-	200	12.000.000
Cổ phiếu POT	4.000	61.000.000	4.000	61.000.000
Cổ phiếu AAA	1.000	31.400.000	500	25.900.000
Đầu tư dài hạn khác		300.000.000		300.000.000
Công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
Dự phòng giảm giá		(4.791.412.193)		(3.316.685.440)
ĐTTT dài hạn				
Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex		(554.951.937)		-
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex		(119.111.102)		-
Công ty CP Thương mại và DV Petrolimex Huế		(504.575.424)		-
Công ty CP BĐS Nghệ An		(385.599.090)		-
Dự phòng giảm giá cổ phiếu		(3.227.174.640)		(3.316.685.440)
Tổng		61.323.715.647		61.034.442.400

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex	số 8 tổ 38 phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	5.000.000.000	100,0%	Xây dựng
Công ty CPĐT và Du lịch Petrolimex Huế	số 50A Hùng Vương, phường Phú Nhuận, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	67.444.440.000	65,9%	Xây dựng
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	54%	Tư vấn
Công ty CP TM và DV Petrolimex Huế	KQH Tự Đức, Thủy Dương, phường Thủy Xuân, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	6.279.000.000	93,6%	Kinh doanh XD, dịch vụ

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP BĐS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45%	Kinh doanh BĐS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	86.580.404	111.525.078
Tăng trong năm	5.536.616.257	70.447.523
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.548.131.462	95.392.197
Tại ngày 31 tháng 12	3.075.065.199	86.580.404
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	36.787.866	86.580.404
Chi phí khác	4.944.000	-
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	3.033.333.333	-
Tổng	3.075.065.199	86.580.404

(*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013 ngày 07/05/2013 giữa Công ty Xăng dầu khu vực I (bên A) và Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu - bên B) để khai thác có hiệu quả khu đất tại số 549 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội. Nội dung hợp tác: giai đoạn 1 là thực hiện đầu tư xây dựng một công trình Kho và cửa hàng điện máy để kinh doanh; giai đoạn 2 là thực hiện đầu tư xây dựng và kinh doanh tổ hợp công trình đa năng (trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ). Thời hạn hợp tác kinh doanh là 10 (mười) năm tính từ ngày công trình của giai đoạn 1 được hoàn thành việc đầu tư xây dựng. Phân chia thu nhập: từ thời điểm bên A bàn giao cho bên B toàn bộ mặt bằng khu đất đến hết 6 tháng, bên A được hưởng khoản thu nhập cố định là 137.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT); từ tháng thứ 7 trở đi (trong 2 năm đầu tiên), khoản thu nhập cố định bên A được hưởng là 2.600.000.000 đồng/năm (chưa bao gồm VAT). Số tiền 3.033.333.333 đồng là khoản tiền bên B trả trước cho bên A theo nội dung hợp đồng đến hết tháng 2/2016.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	553.808.739
Thuế thu nhập cá nhân	510.560	-
Tổng	510.560	553.808.739

5.12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	25.766.550	1.901.149
Bảo hiểm xã hội	5.126.195	-
Phải trả tiền góp vốn dự án	400.000.000	400.000.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	466.324.903	361.482.610
Tiền cổ tức phải trả các cổ đông	311.173.200	321.709.000
Nguyễn Đình Chiến (*)	2.200.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	144.649.766	100.603.081
Tổng	3.553.040.614	1.185.695.840

(*): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú + 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, thời hạn đặt cọc là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền thuê kho và cửa hàng điện máy năm 2015 (*)	3.150.000.000	-
Tiền thuê QSDĐ từ 01/01/2015 đến 31/07/2015	280.000.000	-
Tiền thuê nhà	-	3.636.364
Tổng	3.430.000.000	3.636.364

(*): Hợp đồng thuê công trình trên đất hình thành trong tương lai số 01/PLAND-VHC ngày 11/05/2013 giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng xăng dầu - bên A) và Công ty TNHH Thương mại VHC (bên B). Thời hạn thuê là 10 năm kể từ từ thời điểm bàn giao mặt bằng cộng với thời hạn kể từ thời điểm bên A nhận mặt bằng xây dựng từ Công ty Xăng dầu khu vực I theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đến thời điểm bàn giao mặt bằng. Giá thuê cho thời hạn từ thời điểm bên A nhận mặt bằng xây dựng từ Công ty Xăng dầu khu vực I theo hợp đồng hợp tác kinh doanh đến thời điểm bàn giao mặt bằng (tối đa là 06 tháng) là 198.334.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT); từ tháng 07 trở đi giá thuê là 262.500.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT); giá thuê sau thời điểm bàn giao mặt bằng là 3.150.000.000 đồng/tháng (chưa bao gồm VAT) cộng với tiền khấu hao công trình.

5.14. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2013	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	4.469.315.436
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.020.564.152
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.020.564.152
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2013	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	6.489.879.588
Số dư tại 01/01/2014	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	6.489.879.588
Tăng trong năm	-	-	-	-	341.573.681
Lãi trong năm	-	-	-	-	341.573.681
Giảm trong năm	-	-	-	-	387.076.075
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	387.076.075
Số dư tại 31/12/2014	200.000.000.000	12.885.311.819	373.845.938	1.002.679.390	6.444.377.194

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Quỹ VOF	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	38.000.000.000	38.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	2.000.000.000	2.000.000.000
Các cổ đông khác	22.500.000.000	22.500.000.000
Tổng	200.000.000.000	200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	373.845.938	373.845.938
Quỹ dự phòng tài chính	1.002.679.390	1.002.679.390

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.15. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	19.602.084.959	16.072.375.464
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.266.000.000	1.219.271.615
Doanh thu dịch vụ khác	69.090.909	68.199.911
Tổng	22.937.175.868	17.359.846.990
Chiết khấu thương mại	-	36.105.726
Doanh thu thuần	22.937.175.868	17.323.741.264

5.16. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn bán hàng hóa	18.551.273.126	15.485.709.184
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.484.426.212	628.616.532
Tổng	21.035.699.338	16.114.325.716

5.17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.817.692.787	3.836.923.633
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.592.021	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.392	31.272
Cổ tức lợi nhuận được chia	41.300.800	53.548.640
Lãi bán hàng trả chậm	792.072.162	754.317.942
Lãi do bán chứng khoán	134.762.180	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	432.650.757	483.969.998
Tổng	5.224.102.099	5.128.791.485

5.18. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	2.000.000	-
Dự phòng đầu tư chứng khoán	(89.510.800)	-
Dự phòng đầu tư công ty con, công ty liên kết	1.564.237.553	(233.725.200)
Chi phí hoạt động tài chính khác	15.884.906	-
Tổng	1.492.611.659	(233.725.200)

5.19. Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	336.363.636
Thu tiền phạt khách hàng	-	2.119.036.130
Thu nhập khác	21.265.401	86
Tổng	21.265.401	2.455.399.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	460.412.706	2.825.835.989
<i>Trong đó</i>		
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	42.032.202	
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	22%	
Chi phí thuế TNDN hoạt động KD BĐS	9.247.084	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	418.380.504	
Các khoản điều chỉnh tăng	170.880.000	448.800.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(41.300.800)	(53.548.640)
Thu nhập chịu thuế	547.959.704	3.221.087.349
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	25%
Chi phí thuế TNDN hoạt động KD khác	109.591.941	805.271.837
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	118.839.025	805.271.837

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	341.573.681	2.020.564.152
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	341.573.681	2.020.564.152
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	17	101

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.250.458	86.021.648
Chi phí nhân công	2.881.419.733	3.794.425.048
Chi phí khấu hao tài sản cố định	506.640.540	596.912.344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	390.186.706	403.074.958
Chi phí khác bằng tiền	1.320.316.228	1.146.264.116
Tổng	5.193.813.665	6.026.698.114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền thù lao	196.800.000	382.800.000

b. Giao dịch với bên liên quan (Công ty con)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Xây lắp Petrolimex	Cho thuê xe ô tô, tiền điện	-	52.562.911
Công ty CP Tư vấn CNXD Petrolimex	Tiền điện, nước	-	15.637.000
Mua hàng			
Công ty CP Tư vấn CNXD Petrolimex	Khảo sát tư vấn	-	42.039.091
Công ty TNHH I TV Xây lắp Petrolimex	Ép cọc bê tông	-	667.452.727

c. Số dư, Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các biểu mẫu hợp nhất Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.662.618.827	56.425.796.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.377.900.972	19.547.811.776
Đầu tư dài hạn khác	1.199.503.200	1.756.992.400
Tổng	74.240.022.999	77.730.600.914
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.555.841.695	1.188.496.921
Tổng	3.555.841.695	1.188.496.921

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó, Công ty không có rủi ro lãi suất.

Rủi ro về giá

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty có đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu và đã trích lập dự phòng đối với các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2014 với giá trị là 3.227.174.640 đồng.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty chưa có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.555.841.695	-	3.555.841.695
Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.188.496.921	-	1.188.496.921

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.662.618.827	-	57.662.618.827
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.377.900.972	-	15.377.900.972
Đầu tư dài hạn khác	-	1.199.503.200	1.199.503.200
Tại ngày 01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.425.796.738	-	56.425.796.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.547.811.776	-	19.547.811.776
Đầu tư dài hạn khác	-	1.756.992.400	1.756.992.400

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

6.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.


Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc


Vũ Phương Nhung


Nguyễn Thị Thu Hương




Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu 01-B/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

Stt	Mã đơn vị	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
				Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		Đầu tư vào Công ty con (TK221)						56.943.440.000			
1		Công ty TNHH Xây lắp Petrolimex	6/2009	5.000.000.000	5.000.000.000		440.000	5.000.000.000	100%	100%	100%
2		Công ty CP Đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế	8/2008	67.444.440.000	67.444.440.000	6.744.444	4.444.444	44.444.440.000	65,90%	65,90%	65,90%
3		Công ty CP Tư vấn công nghệ Xây dựng Petrolimex	7/2009	3.000.000.000	3.000.000.000	300.000	162.000	1.620.000.000	54,00%	54,00%	54,00%
4		Công ty CP thương mại và Dịch vụ Petrolimex Huế		3.900.000.000	6.279.000.000	390.000	440.000	5.879.000.000	93,63%	93,63%	93,63%
II		Đầu tư Công ty liên kết (TK223)						4.745.010.000			
1		Cty CP Bất động sản Nghệ An	6/2011	10.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000	474.501	4.745.010.000	47,45%	47,45%	47,45%
III		Đầu tư dài hạn khác (TK228)						4.426.677.840			
1		Cổ phiếu ACB	10/2007				54.144	4.034.277.840			
2		Cổ phiếu HPG					-	-			
3		Cổ phiếu MPC					-	-			
4		Cổ phiếu POT					4.000	61.000.000			
5		Cổ phiếu AAA					1.000	31.400.000			
6		Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng		30.000.000.000	300.000.000	3.000.000		300.000.000	10,0%	10,0%	10,0%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 02-A/HN-CTC

BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

Phần I/ Doanh thu hàng hóa

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu mỡ nhòn, gas, bếp, phụ kiện)				Sản phẩm vật tư MMTB - TKé XLắp		
			Doanh thu thuần	Phí xăng dầu	Giá vốn	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
A	B	C	1	2	3	4 = 1-3	5	6	7=5-6
1		Công ty mẹ - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam					3.808.000.000	3.262.322.821	545.677.179
		Cộng	-	-	-	-	3.808.000.000	3.262.322.821	545.677.179

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 04-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: 31/12/2014

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Ký quỹ ký cược	Cho vay nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	385.304.300	-	-	3.302.968	-	-
1	XD	30000147	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	166.544.300	-	-	-	-	-
2			Công ty TNHH 1 TV Xây lắp Petrolimex	218.760.000	-	-	-	-	-
3			Công ty CP Tư vấn CNXD Petrolimex	-	-	-	3.302.968	-	-
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

MẪU 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Kỳ báo cáo: Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HỖXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	-	-	-	466.324.903	-	-
1	XD	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	-	-	-	466.324.903	-	-
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

PHỤ LỤC - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

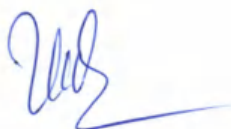
Mẫu số: 06-B/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

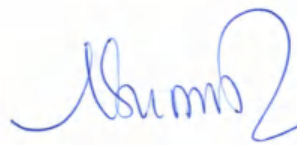
Kỳ báo cáo: Năm 2014

STT	Mã đơn vị	Đối tượng cho vay	Gốc vay				Phân loại thời hạn hoàn trả của gốc vay theo thời gian		
			01/01/2014	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	31/12/2014	Trong năm 2015	Trong năm 2016	Trong năm 2017
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I		Vay và nợ nội bộ tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-
II		Vay và nợ Ngân hàng, TCTD khác	-	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-	-
	1	NH LD Việt Thái - CN Thăng Long	-	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-	-
		Tổng	-	2.200.000.000	2.200.000.000	-	-	-	-

Người lập


Vũ Phương Nhung

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thu Hương



Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Phan Thanh Hùng Giám đốc


Phan Thanh Hùng